

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2023

V/v: Ly hôn giữa chị Phan Quý S và anh Trần
Văn L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Anh Tuấn.
- Bà Đặng Thị Châu Loan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 17-03-2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 528/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-02-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Quý S, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số nhà 11/55 đường H, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Số nhà 11/55 đường H, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định

Tại phiên tòa: Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Phan Quý S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L tự do tìm hiểu, đến ngày 13-11-1995 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không có sự hòa hợp về lối sống, bất đồng về tính cách, vợ chồng không có sự thông cảm chia sẻ khó khăn về kinh tế do đó thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Hai bên đã nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân từ lâu. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Chị Phan Quý S xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Thanh T, sinh năm 1995. Con chung đã trưởng thành, lao động tự lập được nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Chị Phan Quý S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Trần Văn L theo quy định của pháp luật nhưng anh L không đến làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

Tòa án tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi chị S và anh L cư trú đã xác nhận: Chị Phan Quý S và anh Trần Văn L có hộ khẩu thường trú tại số nhà 11/55 đường H, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vợ chồng có một con chung là Trần Thanh T, sinh năm 1995. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo tổ dân phố hòa giải vì vậy tổ dân phố không biết được nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng chị S, anh L nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các qui định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử ly hôn giữa chị Phan Quý S và anh Trần Văn L.

Về con chung: Do con chung là Trần Thanh T, sinh năm 1995 đã trưởng thành, lao động tự lập được nên yêu cầu Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị Phan Quý S không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Quý S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Văn L vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S và anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Quý S và anh Trần Văn L tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không hòa hợp, không chia sẻ với nhau khó khăn về kinh tế. Mặc dù đã có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng do khác biệt nhau về lối sống và tính cách nên mâu thuẫn vợ chồng vẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Phan Quý S và anh Trần Văn L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị S, anh L có 01 con chung là cháu Trần Thanh T, sinh năm 1995. Con chung đã trưởng thành, lao động tự lập nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị Phan Quý S không yêu cầu, anh Trần Văn L không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Quý S là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phan Quý S và anh Trần Văn L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Quý S phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai số 0005750 ngày 21-12-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Quyền kháng cáo: Chị Phan Quý S và anh Trần Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND p. Q, tp. N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng